

**PHỤ LỤC SỐ 04**  
**APPENDIX 04**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**ANNUAL REPORT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*  
*(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT**

**Công ty cổ phần Pin Hà Nội**

**Năm 2018**

**I. Thông tin chung/ General information**

**1. Thông tin khái quát/ General information**

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty cổ phần Pin Hà Nội/Hanoi Battery Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Certificate of business registration No:0100100752
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 72.539.110.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital:
- Địa chỉ/Address: Số 72 đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội
- Số điện thoại/Telephone: 024- 3861 5365
- Số fax/Fax: 024- 3861 2549
- Website: www.habaco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): PHN

**Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process**

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

+ Việc thành lập: Được đầu tư xây dựng theo sự giúp đỡ của Trung Quốc năm 1958, chính thức đi vào hoạt động năm 1960 với các tên gọi lần lượt qua các thời kỳ như: Nhà máy pin Văn Điển; Xí nghiệp liên hiệp Pin Hà Nội, Công ty Pin Hà Nội; chuyên cung cấp các sản phẩm pin thông dụng phục vụ quốc phòng và dân sinh với nhãn hiệu “Con Thỏ”.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ 01 tháng 01 năm 2004 theo quyết định số 207/QDD-BCN ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

+ Tháng 3 năm 2011 phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore thuộc Tập đoàn pin GP, qua đó nâng vốn Điều lệ từ 19.740.000.000 đồng lên 34.545.000.000 đồng.

+ Tháng 3 năm 2011 thành lập công ty con Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội (Công ty cổ phần Pin Hà nội góp 100% vốn) tại N3 khu C khu Công nghiệp Hòa Mạc thị trấn Hòa Mạc huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Mã số doanh nghiệp số: 0700524947 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hà nam cấp ngày 11 tháng 3 năm 2011. Giấy chứng nhận đầu tư số 06221000118 do Ban Quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011.

+ Tháng 5 năm 2011 thành lập Chi nhánh Công ty CP Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh Đăng ký kinh doanh số 0100100752-002 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 thay đổi lần 3 ngày 23 tháng 5 năm 2013.

+ Tháng 10 năm 2015 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 51.184.430.000 VND

+ Tháng 7 năm 2016 giải thể Công ty TNHH MTV Pin Hà Nội.

+ Tháng 12 năm 2015 ký hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore thành lập Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) tại Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên Tỉnh Hà Nam. Tổng vốn Điều lệ 90 tỷ Công ty cổ phần Pin Hà Nội góp 30% với Công ty TNHH Pin Quốc tế GP Singapore góp 70%.

+ Tháng 12 năm 2017 tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và từ Vốn chủ sở hữu lên 72.539.110.000 VND.

+ Ngày 7 tháng 1 năm 2019 Sở GDCK Hà Nội ban hành Quyết định số: 20/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Pin Hà Nội với mã CK: PHN.

Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2004, đăng ký kinh doanh cấp lại lần 10 ngày 30/01/2018 với mã số Doanh nghiệp: 0100100752.

+ Niêm yết: Ngày 13 tháng 3 năm 2019 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (Mã CK: PHN) chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên tại Sàn GDCK Hà Nội theo Thông báo số 194/TB-SGDHN ngày 1 tháng 3 năm 2019.

- Các sự kiện khác/*Other events*

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Ngành, nghề theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2720 (Chính)	Sản xuất pin và ắc quy
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: bán buôn Pin các loại, nguyên liệu phục vụ sản xuất pin)
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chỉ gồm có: Cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chỉ gồm có: Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

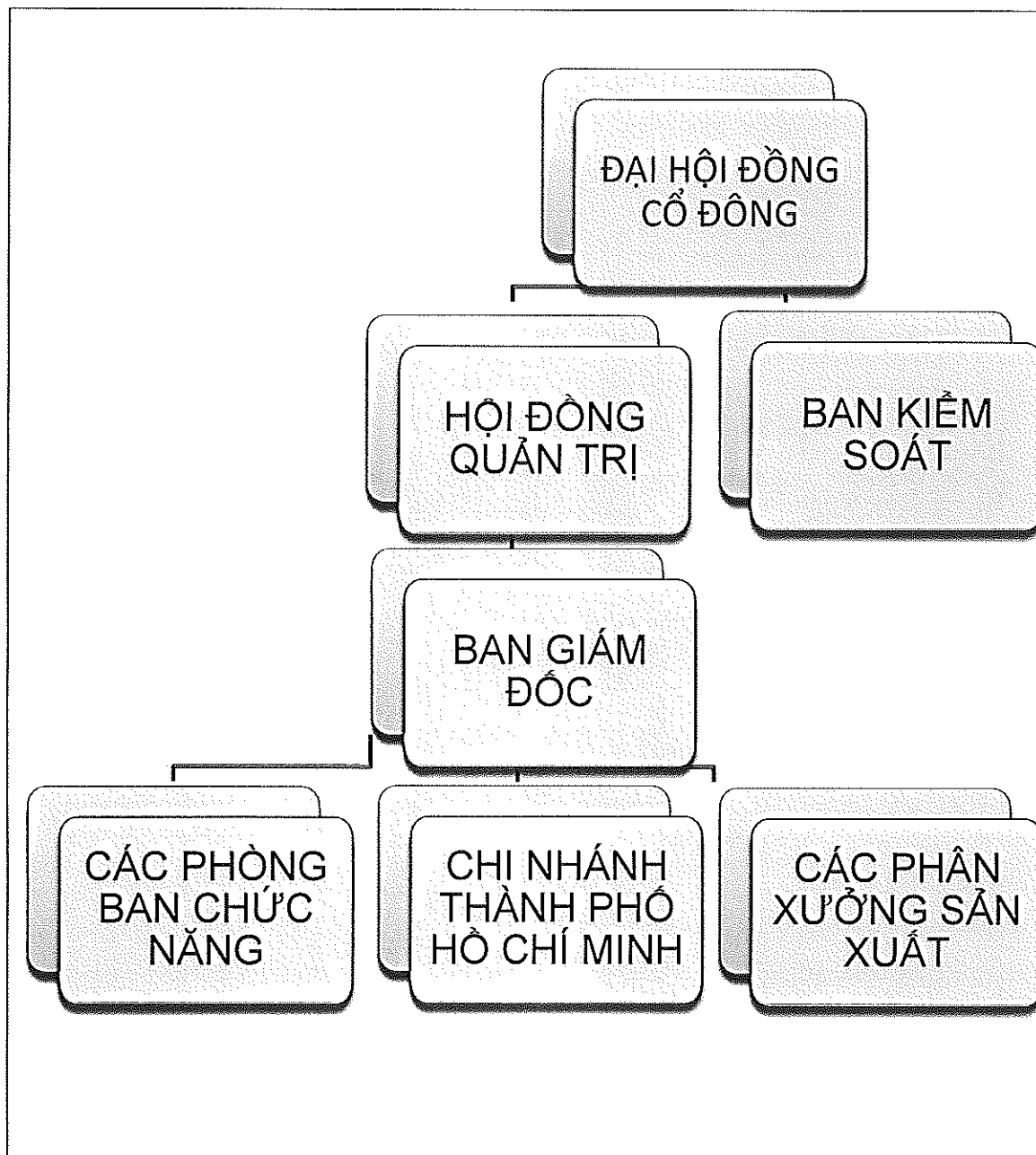
- + Thị trường chính của Công ty là toàn bộ các tỉnh phía Bắc, Miền trung và Tây nguyên;
- + Năm 2011 Công ty đã thành lập Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh nhằm hướng tới việc tiêu thụ các sản phẩm cao cấp tại các tỉnh phía Nam;
- + Công ty có sản lượng xuất khẩu ổn định sang thị trường Lào, Campuchia và thông qua Cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Pin quốc tế GP Singapore đã và đang đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Ấn độ, Đông Âu, Trung Á, Châu Phi, Nam Mỹ...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị/*Governance model*.

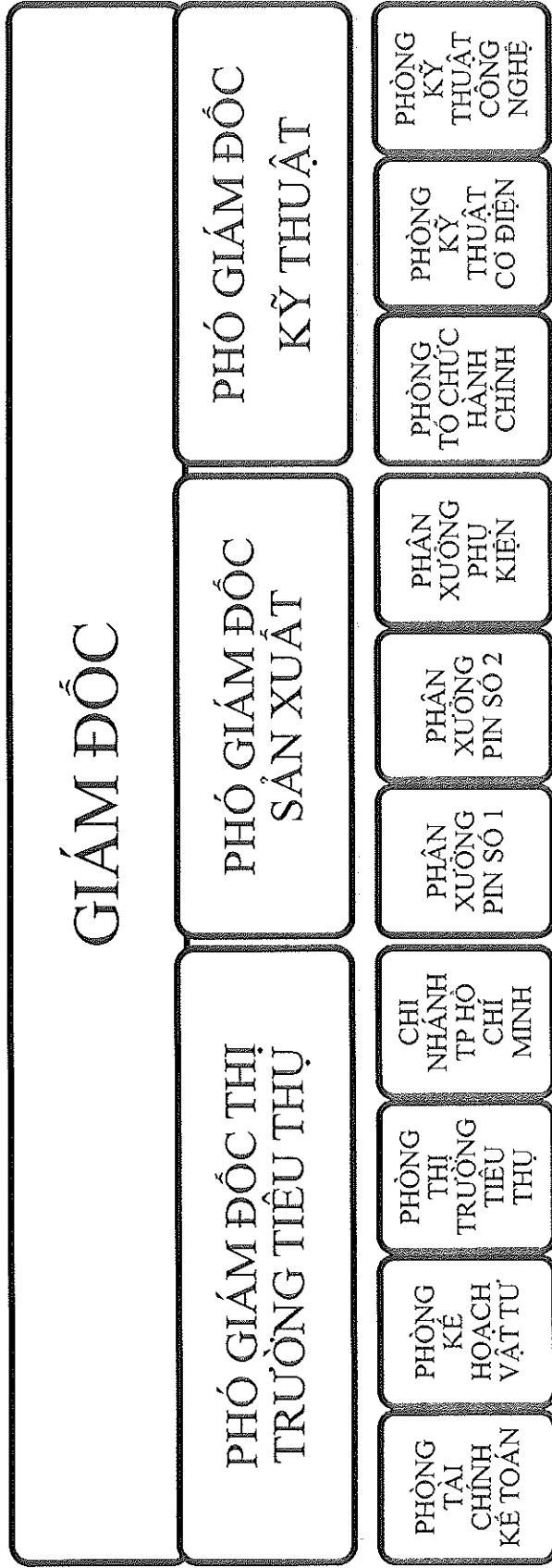
- + Mô hình quản trị.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI



+ Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure*.



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*

+ *Chi nhánh Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh:*

Mã số thuế 0100100752002

Địa chỉ: Số 369J An Dương Vương, P10, Q6 Tp Hồ Chí Minh

Chức năng nhiệm vụ: có chức năng giới thiệu quảng bá, tổ chức tiêu thụ sản phẩm của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam.

Hình thức hạch toán: Chi nhánh có con dấu và tài khoản, hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo sự điều hành của Công ty.

+ *Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):*

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 90 tỷ

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 30% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế Singapore nắm giữ 70% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

Tình hình hoạt động: Đã hoàn thành đầu tư giai đoạn 1, đang triển khai đầu tư giai đoạn 2 của dự án.

#### *4. Định hướng phát triển/ Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tập trung đầu tư cho sản phẩm pin carbon zinc để nâng cao chất lượng, nâng cao khả năng cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại trong nước và sản phẩm nhập khẩu cùng loại về chất lượng, hình thức và giá cả. Đẩy mạnh nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường hướng tới phát triển bền vững. Đảm bảo hiệu quả và tuyệt đối an toàn vốn cho cổ đông, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Thay đổi phương thức bán hàng để dần dần có được một hệ thống bán hàng riêng của công ty tiếp cận gần hơn đến người tiêu dùng thông qua hệ thống đại lý hiện có của công ty, tiếp cận và triển khai các phương thức bán hàng mới, hiện đại, tìm biện pháp để kích cầu đến người tiêu dùng phù hợp với đặc thù của sản phẩm, giữ thị phần và tăng thị phần tiêu thụ trong nước, tăng cường xuất khẩu tiểu ngạch, nỗ lực chủ động hoặc thông qua đối tác GPB tìm kiếm thị trường xuất khẩu chính ngạch. Tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện các quy trình trong quản lý, có kế hoạch đầu tư và tuyển dụng hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển đối với thị trường xuất khẩu. Công ty đề ra nhiệm vụ trọng tâm ngoài việc giữ vững sản lượng và thị trường truyền thống đó là tập trung nguồn lực sản xuất thành công sản phẩm có tiêu chuẩn chất lượng, thân thiện với môi trường phù hợp với yêu cầu xuất khẩu..

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term.*

Về sản lượng sản xuất và tiêu thụ: Phần đầu mỗi năm có tốc độ tăng trưởng 12%.

Về hiệu quả: Phần đầu tỷ suất lợi nhuận trước thuế lớn hơn 25%; Tỷ lệ chi trả cổ tức lớn hơn 15%.

Sản phẩm sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu IEC60086-2-2015 nghiên cứu đầu tư công nghệ sản xuất pin không chờ đợi với các sản phẩm chất lượng cao. Đánh giá thị trường trong nước và xuất khẩu để đầu tư sản phẩm mới, tạo bước phát triển đột phá cho công ty.

Chuẩn bị nguồn lực tài chính sẵn sàng di chuyển địa điểm sản xuất khi cần thiết.

Bám sát chủ trương của nhà nước cũng như của thành phố để đàm phán với đối tác nhằm tối đa hoá lợi nhuận của công ty khi đủ điều kiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Đảm bảo an toàn tuyệt đối về vốn và tài sản của công ty.

Có lộ trình tăng vốn phù hợp với tốc độ tăng trưởng.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*

Trong ngắn hạn Công ty sẽ đầu tư thay đổi công nghệ nấu kềm bằng lò điện cảm ứng thay cho lò nấu dùng dầu DO hiện nay để giảm thiểu phát thải khí, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu ngày càng cao theo Qui chuẩn Việt Nam.

Về dài hạn Công ty sẽ từng bước nghiên cứu xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001 và hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001 dựa trên các điều kiện cụ thể của Công ty và Pháp Luật của nhà nước.

#### 5. Các rủi ro/ Risks:

##### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

##### Rủi ro thị trường

- Thị trường tiêu thụ nội địa : Luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty SX pin trong nước dẫn tới không ổn định sản lượng, giá bán và doanh thu bán hàng.
- Thị trường xuất khẩu: phụ thuộc vào các đơn hàng từ cổ đông chiến lược. Chịu áp lực giảm giá bán, đòi hỏi về chất lượng và mẫu mã ngày càng đa dạng. Do vậy việc công ty phải đối mặt với việc tăng hoặc giảm các đơn hàng một cách bất thường là điều khó tránh khỏi.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

### *Rủi ro về lãi suất:*

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.761.333.527	-	-	11.761.333.527
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.053.666.367	20.000.000	-	30.073.666.367
	<u>41.814.999.894</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>41.834.999.894</u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.898.563.274	-	-	15.898.563.274
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.171.420.296	20.000.000	-	20.191.420.296
	<u>36.069.983.570</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>36.089.983.570</u>

### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>				
Vay và nợ	28.442.463.980	-	-	28.442.463.980
Phải trả người bán, phải trả khác	6.035.389.373	-	-	6.035.389.373
Chi phí phải trả	2.469.734.636	-	-	2.469.734.636
	<b>36.947.587.989</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.947.587.989</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	23.320.398.540	-	-	23.320.398.540
Phải trả người bán, phải trả khác	6.954.933.085	-	-	6.954.933.085
Chi phí phải trả	2.168.918.784	-	-	2.168.918.784
	<b>32.444.250.409</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>32.444.250.409</b>

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year: Nêu các kết quả đạt được trong năm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Năm báo cáo 2018		Tỷ lệ (%)	
				Kế hoạch năm	TH 2018	TH 2018/2017	TH 2018/KH 2018
A	B	C	1	2	5	7=5/1	8=5/2
1	Sản lượng sản xuất (Pin các loại)	viên	364.854	362.000	353.785	97%	98%
2	Sản lượng tiêu thụ (Pin các loại)		366.452	362.000	357.280	97,5%	98,7%
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	350.215	366.000	362.026	103,37%	98,91%
	Từ hoạt động công nghiệp	Triệu đồng	341.267	352.000	351.509	103%	100%
	XK GP	1000 USD	3.824	3.900	3.894	102%	100%
	Từ hoạt động thương mại	Triệu đồng	4.352	6.500	5.966	137%	92%
	Từ hoạt động khác	Triệu đồng	4.596	7.500	4.551	99%	61%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.996	20.500	23.050	88,67%	112,44%
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	5.256	5.000	4.656	89%	93%
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20.740	15.500	18.394	89%	119%

### ***Đánh giá:***

Đối với thị trường truyền thống: Đã duy trì và phát triển được, giảm được sự cạnh tranh với sản phẩm cùng loại trong thị trường nội địa, chưa có giải pháp hữu hiệu thông qua các cơ quan quản lý thị trường để chấm dứt tình trạng pin giả thương hiệu của công ty nhập lậu về; Đã mở được một số kênh tiêu thụ trực tiếp ở thị trường Lào đối với thị trường Campuchia chưa mở được kênh phân phối trực tiếp và chỉ mới dừng ở việc hỗ trợ bán hàng cho các nhà phân phối đã có.

Pin R20 giảm do nhu cầu giảm;

Pin R6 và Pin R03 không giữ được tốc độ tăng trưởng mà còn giảm so với thực hiện năm 2017 và không đạt được so với mục tiêu cần có biện pháp thúc đẩy tốc độ tăng trưởng trong năm 2019, nguyên nhân chủ yếu vẫn là sự cạnh tranh của các sản phẩm nhập lậu chất lượng kém, giá bán thấp và đặc biệt, năm 2018 lại xuất hiện tình trạng pin giả thương hiệu “Con Thỏ” diễn ra ở diện rộng và quy mô lớn.

Đối với thị trường xuất khẩu: Đã duy trì và giữ được thị trường đã có;

Pin R6 tại thị trường Ấn Độ là thị trường cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm có phẩm cấp thấp nên tiêu thụ năm 2018 vẫn chủ yếu là sản phẩm cấp thấp hơn, sản phẩm có phẩm cấp cao vẫn duy trì tốt ở các thị trường khác, chiến lược kinh doanh của GP thay đổi từ việc phân phối gián tiếp vào thị trường Ấn Độ thông qua thương hiệu Goodrej chuyển sang phân phối trực tiếp cho nên pin R6 bị giảm.

Pin R03: Giữ vững và ổn định được sản lượng tiêu thụ ở Brazil và các thị trường khác, tăng được sản lượng ở thị trường Ấn Độ.

### ***2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource***

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

+ Danh sách Ban điều hành:

- Ông Phạm Văn Nghĩa Chức vụ Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty

Năm sinh: 1961 Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 364.350 cổ phần

- Ông Nguyễn Tiến Triển: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh: 1954 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy

Số cổ phần sở hữu: 50.069 cổ phần

#### **Nghị chế độ từ 01 tháng 01 năm 2019**

- Ông Nguyễn Thanh Hùng Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1963 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy

Số cổ phần sở hữu: 117.980 cổ phần

- Ông Nguyễn Cao Sơn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Số cổ phần sở hữu: 7.723 cổ phần

- Ông Võ Khánh Toàn: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Số cổ phần sở hữu: 16.800 cổ phần

**Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2018.**

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*).

Ông Nguyễn Tiến Triển Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Kết thúc hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Nghi chế độ từ 01 tháng 01 năm 2019

Bổ nhiệm Ông Võ Khánh Toàn UV HĐQT, Trưởng phòng Tài chính Kế toán giữ cương vị Phó Giám đốc từ ngày 15 tháng 11 năm 2018.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

- Lao động sử dụng bình quân: 322 người.

- Tổng chi phí cho người lao động (Tiền lương và com CN): 37.345,4 tỷ đồng.

- Thu nhập bình quân từ nguồn có: 9,66 triệu đồng/ ng/ tháng.

- Lao động nghỉ chế độ; chấm dứt hợp đồng lao động: 29 người

- Lao động tuyển dụng mới: 16 người

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation**

**a) Các khoản đầu tư lớn/ Major investments:**

Stt	Mã tài sản	Tên tài sản	Ngày tăng	Nguyên giá
1	TSCD949	Máy cắt via ống kẽm R6 đồng bộ dùng cho Sản xuất Pin. Năng suất 600 cái/ phút	1/3/2018	1.088.771.570
2	TSCD950	Máy Dập đồng xu Kèm đồng bộ cho SX Pin R6 và R03	31/03/2018	1.520.263.225
3	TSCD951	Động cơ 7.5Kw + Bơm chân không vòng nước	1/7/2018	73.361.800
4	TSCD952	Lò Điện cảm ứng nấu chảy Kèm đồng bộ dùng cho sản xuất Pin	1/6/2018	1.566.134.759
5	TSCD953	Máy nén khí PUMA PK100300	1/11/2018	61.697.982
6	TSCD954	Máy ép thủy lực	1/12/2018	60.000.000
7	TSCD955	Dây chuyền sản xuất Pin tự động R03-600C/P	1/12/2018	8.255.322.649
		<b>Tổng cộng:</b>		<b>12.625.551.985</b>

**b) Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:**

Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam):

Mã số thuế: 0700761514

Địa chỉ: Đường N3 Khu C Khu Công nghiệp Hòa Mạc Huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam

Vốn điều lệ: 90 tỷ

Hình thức sở hữu: Công ty Cổ phần Pin Hà Nội nắm giữ 30% vốn. Công ty TNHH Pin Quốc tế Singapore nắm giữ 70% vốn.

Quan hệ sở hữu: Công ty liên kết.

Tình hình hoạt động: Đang trong quá trình đầu tư, đã đi vào hoạt động trong quý II năm 2017. Tuy nhiên vẫn đang trong quá trình chạy thử và sản xuất mẫu chào hàng. Doanh thu thấp do mới chỉ dừng lại ở các lô hàng nhỏ mang tính chào mẫu. Dự kiến từ năm 2019 sẽ chính thức nhận được các đơn hàng từ các khách hàng lớn.

#### 4. Tình hình tài chính/ Financial situation

##### a) Tình hình tài chính/ Financial situation

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2017	Năm/Year 2018	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	2,41	2,16	lần
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn Short term Asset - Inventories Short term Debt	1,1	0,97	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	28,29	30,18	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	39,45	43,23	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	5,28	5,41	lần
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2,33	2,36	lần
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	6,16	5,27	%

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	20,02	17.8	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	14,36	12.43	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	7,51	6.6	%
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares:*

Tổng số cổ phần:	7.253.911 cổ phần
Số lượng CP chuyển nhượng tự do:	6.642.258 cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	611.653 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure:*

Cổ đông pháp nhân:

- GP Batteries internation Co., LTD sở hữu:	2.176.333 CP tương ứng 30%
- Tập đoàn hóa chất Việt Nam sở hữu	1.523.433 CP tương ứng 21%
- Công đoàn Công ty cổ phần Pin Hà Nội sở hữu	5.264 CP tương ứng 0,07%

Cổ đông thể nhân: 295 người sở hữu 3.548.881CP tương ứng 48.92%

Trong đó 01 cổ đông lớn:

Ông Phạm Văn Nghĩa sở hữu: 364.350 CP tương ứng 5,023%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity:*

Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks: Không có*

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities: Không có*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Giá trị vật liệu chính dùng cho sản xuất Pin năm 2018: 213 tỷ đồng

- Giá trị vật liệu phụ dùng cho sản xuất Pin năm 2018: 25,1 đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Tổng số lượng kẽm từ Pin phế phẩm được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2018: 6.113 kg

- Tổng số lượng được tái chế cho sản xuất Pin trong năm 2018: 11.600 kg bột cực dương từ Pin phế phẩm

#### 6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Tổng tiêu thụ điện năm 2018: 2.064.800 Kw tăng 433.600 kw so với năm 2017 do thay đổi công nghệ nấu kẽm từ dầu DO sang Lò điện. Chi phí điện năng tăng hoàn toàn được bù đắp bằng việc tiết giảm chi phí nhiên liệu dầu DO. Mặt khác việc sử dụng lò điện trong nấu kẽm đã loại bỏ hoàn toàn khí thải do đốt dầu DO là yếu tố tích cực cho môi trường.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

#### 6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

- Nguồn nước được khai thác từ nước ngầm dưới đất, được xử lý qua giàn mưa, lọc, lắng để sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty và khu tập thể công nhân.

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty là 200 m<sup>3</sup>/ ngày.

- Tổng tiêu thụ nước trong năm 2018: 40.995 m<sup>3</sup>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Số nước tái sử dụng là 50 m<sup>3</sup>/ngày ở khâu nấu cán kẽm liên hoàn. Chiếm tỷ lệ 37% tổng lượng nước sử dụng.

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

- Trong năm công ty không có lần nào bị xử phạt do không tuân thủ Luật pháp về bảo vệ môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/  
*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

**Không**

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Lao động sử dụng bình quân: 322 người.
- Tổng chi phí cho người lao động (Tiền lương và com CN): 37,345 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân từ nguồn có: 9,66 triệu đồng/ ng/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Tổng chi phí bồi dưỡng tại chỗ bằng hiện vật và chống nóng cho người lao động năm 2018: 245 triệu đồng; chi phí bảo hộ lao động năm 2018: 360 triệu đồng
- Chi phí cho người lao động đi tham quan nghỉ mát năm 2018: 298 triệu đồng

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- o Vận hành máy phát: 4 người \* 11 ngày \* 4h = 176h
  - o Phòng cháy chữa cháy: 38 người \* 8h = 304h
  - o Chuyên gia đánh giá nội bộ: 1 người \* 3 ngày \* 8h = 24h
  - o Kỹ năng giao tiếp, bán hàng: 28 người \* 2 ngày \* 8h = 448h
  - o Vận hành xe nâng, nổi hơi: 4 người / 2 ngày \* 8h = 64h
  - o ATLD-VSLĐ (nhóm 4) : 68 người \* 8h = 544h
  - o CN mới tuyển dụng: 4 người \* 8h = 32h
  - o Nâng bậc lương: 4 người \* 8h = 32 h
  - o ATLD-VSLĐ cho lớp an toàn VS viên: 16 người \* 8h = 128h
  - o ATLD-VSLĐ (nhóm 1): 16 người \* 8h = 128h
  - o ATLD-VSLĐ (nhóm 3) : 49 người \* 8h = 392h
  - **Tổng số người được đào tạo: 228 người**
  - **Tổng số giờ đào tạo: 2.272h**
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Nội dung đào tạo gồm đào tạo làm việc theo hướng dẫn, đào tạo nội qui lao động, qui chế công ty, phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hướng dẫn ghi biểu mẫu, hướng dẫn thực hiện kiểm tra,

bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhận thức về ISO9001:2015 và chuyên gia đánh giá nội bộ. Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ nhân viên nghiệp vụ tham gia các lớp tập huấn về chế độ chính sách mới. Các lớp bồi dưỡng về kỹ năng bán hàng, marketing, phát triển thị trường cũng được công ty quan tâm tổ chức.

*6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động hỗ trợ của địa phương nơi Công ty đặt trụ sở
- Tổng số tiền tham gia các quỹ xã hội từ thiện trong năm 2018: 20.000.000 đồng

*6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Không

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

*1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results*

**Đánh giá:**

- **Đối với thị trường truyền thống:** đã duy trì và phát triển được, giảm được sự cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của Pinaco trong thị trường nội địa. Pin R20 giảm do nhu cầu giảm, pin R6 và R03 giữ được tốc độ tăng trưởng.
- **Đối với thị trường xuất khẩu:** Đã duy trì và giữ được thị trường đã có; Pin R6 do thị trường cạnh tranh gay gắt với các sản phẩm có phẩm cấp thấp nên không tăng được, đã nghiên cứu sản xuất sản phẩm có phẩm cấp thấp để cạnh tranh về giá và cuối năm mới được thông qua, sản phẩm có phẩm cấp cao hơn đang trong quá trình thâm nhập thị trường. Pin R03: Sau khi củng cố lại công tác quản lý chất lượng, sản phẩm đã được thị trường chấp nhận và có tốc độ tăng cao.

Mặc dù có nhiều yếu tố khách quan bất lợi như giá đầu vào tăng cao (đặc biệt là giá kẽm giai đoạn đầu năm), Ban Giám đốc đã nỗ lực trong điều hành được ghi nhận thông qua những chỉ tiêu:

- Doanh thu: đạt 99% so với kế hoạch và 103% so với năm 2017.
- Lợi nhuận đạt 112% so với kế hoạch và 89% so với năm 2017.

Nguyên nhân lợi nhuận giảm năm 2018 so với 2017 chủ yếu do yếu tố giá nguyên liệu đầu vào tăng mạnh làm tăng tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu/tổng doanh thu lên 58,8% (năm 2017: 56%).



Chi phí tiền lương giảm do tác động của yếu tố đầu tư (máy đập đồng xu năng suất cao, máy cắt via 600c/p, dây chuyền pin đơn R6 600c/p...) cũng góp phần tăng hiệu quả.

Các khoản chi thường xuyên như chi phí phụ tùng thay thế, chi phí quản lý vv được kiểm soát tốt và giảm nhiều so với 2017 cả về số tuyệt đối cũng như tỷ trọng chi phí/ doanh thu.

## 2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

### a) Tình hình tài sản/ Assets

#### TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	916.657.992	195.822.433
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.844.675.535	12.702.740.841
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
	<u><b>11.761.333.527</b></u>	<u><b>15.898.563.274</b></u>

#### PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
GPI International Limited	8.941.287.013	-	11.495.822.794	-
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd	2.944.953.340	-	-	-
Hộ kinh doanh Đỗ Thị Cúc	1.646.332.062	-	1.195.499.880	-
Phải thu khách hàng khác	14.378.756.931	(281.114.539)	6.928.065.723	(296.062.464)
	<u><b>27.911.329.346</b></u>	<u><b>(281.114.539)</b></u>	<u><b>19.619.388.397</b></u>	<u><b>(296.062.464)</b></u>

**PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	12.226.883	-	32.284.177	-
Phải thu nhân viên tiền bảo hiểm	181.587.269	-	123.681.474	-
Tạm ứng	596.573.207	-	533.510.211	-
Ký cược, ký quỹ	1.533.000.000	-	50.000.082	-
Phải thu khác	100.064.201	-	108.618.419	-
	<b>2.423.451.560</b>	<b>-</b>	<b>848.094.363</b>	<b>-</b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000</b>	<b>-</b>

**NỢ XẤU**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	309.481.932	28.367.393	324.429.857	28.367.393
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế & Dịch vụ Siêu Thị BigC Thăng Long	45.608.502	-	45.608.502	-
- Cửa hàng 58 Trần Phú Hải Phòng	40.057.552	-	40.057.552	-
- Các khoản khác	223.815.878	28.367.393	238.763.803	28.367.393
	<b>309.481.932</b>	<b>28.367.393</b>	<b>324.429.857</b>	<b>28.367.393</b>

**HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	45.259.894.497	-	44.182.685.362	-
Công cụ, dụng cụ	162.528.832	-	105.939.592	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.350.206.440	-	2.365.439.866	-
Thành phẩm	4.179.952.140	-	6.755.653.351	-
Hàng hoá	104.325.583	-	376.155.283	-
Hàng gửi đi bán	69.903.294	-	53.424.825	-
	<b>53.126.810.786</b>	<b>-</b>	<b>53.839.298.279</b>	<b>-</b>

**CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	195.029.640	112.033.583
Chi phí mua bảo hiểm	14.515.606	15.954.998
	<u>209.545.246</u>	<u>127.988.581</u>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	150.588.293	223.205.852
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	447.508.744	646.966.799
Chi phí trả trước dài hạn khác	180.902.433	295.806.905
	<u>778.999.470</u>	<u>1.165.979.556</u>

**TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	12,157,081,167	40,089,202,397	6,032,126,088	219,950,252	58,498,359,904
- Mua trong năm	-	12,625,552,540	-	-	12,625,552,540
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(435,209,272)	-	-	(435,209,272)
- Giảm khác theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(69,950,000)	-	-	-	(69,950,000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12,087,131,167</b>	<b>52,279,545,665</b>	<b>6,032,126,088</b>	<b>219,950,252</b>	<b>70,618,753,172</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	12,084,272,657	25,875,562,809	3,684,296,361	164,542,167	41,808,673,994
- Khấu hao trong năm	72,808,510	4,888,476,638	536,934,576	21,227,400	5,519,447,124
- Thanh lý, nhượng bán	-	(435,209,272)	-	-	(435,209,272)
- Giảm khác theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(69,950,000)	-	-	-	(69,950,000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12,087,131,167</b>	<b>30,328,830,175</b>	<b>4,221,230,937</b>	<b>185,769,567</b>	<b>46,822,961,846</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	72,808,510	14,213,639,588	2,347,829,727	55,408,085	16,689,685,910
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>21,950,715,490</b>	<b>1,810,895,151</b>	<b>34,180,685</b>	<b>23,795,791,326</b>

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.138.924.177 đồng.

**TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm kế toán có nguyên giá là 40.000.000 đồng và khấu hao lũy kế là 36.666.663 đồng, trong đó khấu hao phát sinh trong năm 2018 là 13.333.332 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

**PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Hoá công Quế Lưu Quảng Tây Trung Quốc	2.196.222.600	2.196.222.600	3.629.304.000	3.629.304.000
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	1.793.504.413	1.793.504.413	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.768.302.854	1.768.302.854	3.103.170.477	3.103.170.477
	<b>5.758.029.867</b>	<b>5.758.029.867</b>	<b>6.732.474.477</b>	<b>6.732.474.477</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				

**NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Phước Lợi	264.123.744	-
Các đối tượng khác	15.790.808	103.332.031
	<b>279.914.552</b>	<b>103.332.031</b>

**PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	79.083.487	50.494.406
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	35.378.535
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	38.131.300	8.440.950
- Quỹ xã hội	60.593.350	60.593.350
- Phải trả phụ cấp HDQT không tham gia điều hành	60.000.000	63.240.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.551.369	4.311.367
	<b>277.359.506</b>	<b>222.458.608</b>

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		339.028.960		7.116.504.275		7.455.533.235		-		-	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	398.368.901		-		162.356.098		162.356.098		398.368.901		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.175.891.126		4.655.314.779		4.755.891.126		-		1.075.314.779	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		38.618.576		762.657.313		715.155.544		-		86.120.345	
Thuế Tài nguyên	-		2.572.800		34.654.850		34.506.250		-		2.721.400	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		3.137.944.100		3.137.944.100		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		11.010.900		8.010.900		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		10.743.229		172.987.030		67.392.005		-		116.338.254	
	<b>398.368.901</b>		<b>1.566.854.691</b>		<b>16.045.418.445</b>		<b>16.339.789.258</b>		<b>406.379.801</b>		<b>1.280.494.778</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam <sup>(1)</sup>	23.320.398.540	23.320.398.540	103.744.162.670	98.799.097.230	28.265.463.980	28.265.463.980
- Nguyễn Huy Vũ <sup>(2)</sup>	-	-	190.000.000	13.000.000	177.000.000	177.000.000
	<b>23.320.398.540</b>	<b>23.320.398.540</b>	<b>103.934.162.670</b>	<b>98.812.097.230</b>	<b>28.442.463.980</b>	<b>28.442.463.980</b>

Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;

Thời hạn của hợp đồng: Không quá 12 tháng và được quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ;

Lãi suất cho vay: Áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ;

Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.214.674 USD tương đương 28.265.463.980 đồng;

Các hình thức bảo đảm tiền vay: Chi tiết về tài sản bảo đảm, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của các bên thực hiện theo Hợp đồng bảo đảm. Ngoài ra, Công ty cam kết dùng tài sản hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo cho nợ vay tại Eximbank, trong trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán nợ gốc, lãi quá hạn, lãi trên số tiền lãi chậm trả, bồi thường thiệt hại (nếu có) và các phí khác phát sinh cho Eximbank.

Hợp đồng cho vay ngày 01/11/2018 giữa ông Nguyễn Huy Vũ và Công ty Cổ phần Pin Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;

Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày kí hợp đồng vay;

Lãi suất cho vay: 6%/năm;

Hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

### *3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management.*

- + Về cơ cấu tổ chức, Công ty đã xây dựng và tiếp tục hoàn thiện mô hình công ty cổ phần đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và các yêu cầu quản trị doanh nghiệp đối với công ty niêm yết.
- + Về công nghệ và quản lý chất lượng sản phẩm: công ty đã hoàn thiện quy trình sản xuất pin không có thủy ngân và Cadimi theo tiêu chuẩn xuất khẩu đối với sản phẩm pin R6, R03 và R14 tiêu thụ trong nước nhằm loại bỏ hoàn toàn nguy cơ lây nhiễm Cd và Hg trong quá trình sản xuất pin xuất khẩu, phù hợp với yêu cầu về môi trường trong vấn đề sử dụng Cd và Hg trong sản xuất pin, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm tiêu thụ trong nước khi các nhà sản xuất khác chưa có được sản phẩm “sạch” hơn.

### *4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future*

- Phối hợp chặt chẽ Tập đoàn Pin quốc tế GP từng bước củng cố và phát triển công ty trở thành nhà sản xuất pin Măng gan kèm hàng đầu trong khu vực.
- Tận dụng tối đa lợi thế từ các Hiệp định Thương mại mà Việt Nam đã ký kết không ngừng nâng cao tỷ trọng doanh thu xuất khẩu.
- Xây dựng chiến lược sản phẩm, từng bước tiếp cận và phát triển các phân khúc sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng nhằm đến mục tiêu phát triển bền vững.

Một số chỉ tiêu cơ bản cho kế hoạch 2019

Tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ phần đầu lớn 366 triệu viên pin các loại tăng 8 triệu viên so với thực hiện năm 2018

Doanh thu: 375 tỷ đồng.

Lợi nhuận: >25 tỷ;

Cổ tức: Tối thiểu 20%.

Các chi phí cơ bản:

- Khấu hao cơ bản: 5,9 tỷ.
- Chi phí bán hàng: Tăng 2% so với năm 2018;
- Đơn giá tiền lương tăng so với năm 2018: 2%

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): **Không**

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*.

- Nguồn nước được khai thác từ nước ngầm dưới đất, được xử lý qua giàn mưa, lọc, lắng để sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty và khu tập thể.

- Tổng lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt tại Công ty là 200 m<sup>3</sup>/ ngày.

- Trong năm Công ty đã thay thế công nghệ nấu kẽm từ Lò đốt dầu DO sang Lò Điện qua đó loại bỏ hoàn toàn khí thải từ đốt dầu DO trong quá trình sản xuất.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

Công ty đã xây dựng được quy chế tiền lương, thưởng hợp lý được Hội nghị Người Lao động hàng năm thông qua. Qua đó vấn đề việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo.

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động, điều kiện làm việc được đảm bảo. Nhờ vậy người lao động trong Công ty có tâm lý yên tâm làm việc gắn bó với Công ty.

Hoạt động của tổ chức Công đoàn cũng được vận hành một cách nhịp nhàng đảm bảo quyền lợi cho người lao động qua đó không để xảy ra hiện tượng mâu thuẫn, xung đột lợi ích giữa người lao động và người sử dụng lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

Công ty hoạt động tại địa phương với thời gian gần 60 năm luôn được chính quyền địa phương đánh giá cao về trách nhiệm cộng đồng.

Một số lượng không nhỏ CBCNV của Công ty hiện còn đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu tại Khu tập thể Công ty cũng được Công ty quan tâm về điều kiện sinh hoạt thông qua các công trình phúc lợi như nhà Văn Hóa, Sân chơi tập thể .v.v. hoặc thăm hỏi quà tết hàng năm.



#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

##### **1.1 Về mục tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận:**

Tổng số pin tiêu thụ đạt 357,3 triệu viên, so với năm 2017 giảm 9,1 triệu viên, tương đương 2,5%; So với mục tiêu điều chỉnh giảm 4,7 triệu viên tương đương 1,3%.

Doanh thu đạt 362 hoàn thành 99% kế hoạch 2018 tăng 3,4% so với năm 2017

Lợi nhuận trước thuế tăng 12,4% so với kế hoạch 2018 và giảm 11,3% so với thực hiện 2017

Kết quả trên theo đánh giá của HĐQT là hợp lý bởi những yếu tố khách quan tác động gồm giá vật tư nguyên liệu đầu vào tăng, thị trường xuất khẩu Ấn độ có nhiều yếu tố bất lợi. Tuy nhiên cần lưu ý củng cố thị trường tiêu thụ nội địa trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.

##### **1.2 Về đầu tư: Đã hoàn thành các hạng mục đầu tư theo nghị quyết:**

- Hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác dây chuyền Pin đơn R03 600c/p vượt tiến độ.

- Hoàn thành việc đầu tư máy dập đồng xu tốc độ cao và đầu tư thay thế công nghệ lò nấu kẽm bằng điện thay thế cho lò nấu bằng dầu đã hết khấu hao.

- Các hạng mục đầu tư khác được phê duyệt từ năm 2017 cũng đã được khai thác và phát huy hiệu quả như:

+ Máy dập đồng xu 125T năng suất cao

+ Máy cắt via ống kẽm R6 600c/p

+ Lò nấu kẽm điện thay thế nấu bằng dầu Do

**1.3 Vấn đề niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán:** Trong năm HĐQT, BKS, BGD đã nỗ lực hoàn tất hồ sơ niêm yết và được Sở GDCK Hà Nội chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty. Ngày 13 tháng 3 năm 2019 Cổ phiếu PHN của Công ty đã chính thức được khai trương giao dịch tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**1.4 Công tác cán bộ:** Việc kiện toàn HĐQT chưa hoàn thành do những yếu tố khách quan như tiến độ thoái vốn của Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam, chưa tìm kiếm được các ứng viên cho vị trí UV HĐQT độc lập đủ trình độ, năng lực, uy tín để giới thiệu cho Đại Hội đồng cổ đông bầu bổ sung vào HĐQT.

**1.5 Về lao động và việc làm:** Việc làm và thu nhập cho người lao động được đảm bảo và duy trì ở mức khá cao so với mặt bằng chung tại địa phương. Đội ngũ công nhân viên lao động có tay nghề, kỹ năng tốt đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Các phiên họp của HĐQT đều tiến hành kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định của HĐQT đối với Ban giám đốc và đã ghi nhận ban giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ công ty, thực hiện đúng các nghị quyết của HĐQT và chấp hành đúng pháp luật hiện hành; Chủ động điều hành trong phạm vi quyền hạn để đảm bảo hiệu quả cao nhất cho công ty, những vấn đề vượt quá thẩm quyền đều xin ý kiến HĐQT để HĐQT quyết định;

HĐQT đã chỉ ra những hạn chế, những rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và đề ra các giải pháp nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình điều hành.

HĐQT cũng đã thống nhất lộ trình đánh giá, chuyển giao và bổ nhiệm một số chức danh lãnh đạo và quản lý trong công ty đồng thời điều chỉnh quy hoạch cán bộ cho phù hợp với tình hình mới.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

**Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2019**

- Bám sát nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Quyết tâm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Chủ động bố trí nhân sự bám sát diễn biến giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán nhằm phản ứng kịp thời và có hiệu quả nhất nhằm đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.
- Tăng cường công tác giám sát đối với Giám đốc và BGD cũng như các cán bộ quản lý khác để có biện pháp giải quyết tích cực và kịp thời. Ban hành các nghị quyết, quy chế quản lý công ty phù hợp nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo của Ban giám đốc đồng thời đảm bảo an toàn vốn cho công ty cũng như có hiệu quả cao nhất.
- Triển khai một cách đồng bộ và quyết liệt những giải pháp nhằm khắc phục một số các hiệu quả và triệt để những tồn tại trong quản trị, điều hành, quản lý Công ty mà HĐQT qua kiểm điểm đã chỉ ra.
- HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp định kỳ để thảo luận, nắm bắt tình hình SXKD của Công ty. Thông qua đó sẽ có chủ trương, ý kiến chỉ đạo kịp thời trong điều hành.
- Ngoài ra HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường (nếu có) để giải quyết và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT cũng như những vấn đề đã được Đại hội cổ đông ủy quyền giải quyết...

- Cam kết khi bắt buộc phải thực hiện sẽ kiện toàn cơ cấu thành viên HĐQT đáp ứng đáp ứng điều kiện tối thiểu 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập; Chủ tịch HĐQT không được kiêm giám đốc công ty chậm nhất vào tháng 8 năm 2020 theo quy định tại Nghị định số 71-CP năm 2017, không để ảnh hưởng tới công ty, tới cổ đông.

- Hoàn thiện lại chức năng nhiệm vụ cũng như số lượng thành viên Ban giám đốc trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ của BGD và thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHCĐ cũng như HĐQT.

- Hoàn thiện lại quy chế quản lý tài chính của công ty.

- Công tác điều hành và quản lý công ty thường xuyên đánh giá định kỳ các nội dung cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh, các biện pháp điều hành, tìm ra nguyên nhân các mục tiêu không đạt được, các vấn đề còn tồn tại, biện pháp giải quyết, xác định trách nhiệm của cá nhân đơn vị.

HĐQT xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên những công việc đã thực hiện năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019.

**V. Quản trị công ty/Corporate governance** (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section*).

#### *1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

- Ông Phạm Văn Nghĩa Chức vụ Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty

Năm sinh: 1961 Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 364.350 cổ phần

- Ông Nguyễn Thanh Hùng: Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1963 Trình độ Kỹ sư chế tạo máy

Số cổ phần sở hữu: 117.980 cổ phần

- Ông Nguyễn Cao Sơn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc

Năm sinh 1966 Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Số cổ phần sở hữu: 7.723 cổ phần

- Ông Võ Khánh Toàn : Chức vụ UV HĐQT - Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2018)

- Năm sinh 1973 Trình độ Cử nhân kinh tế  
Số cổ phần sở hữu: 16.800 cổ phần
- Ông Nguyễn Thanh Quang: Chức vụ UV HĐQT - Quản đốc PX Pin số 2  
Năm sinh 1965 Trình độ Kỹ sư Điện hóa  
Số cổ phần sở hữu: 11.463 cổ phần
- Bà Quek Guet Ngoh: Chức vụ UV HĐQT  
Năm sinh: 1961 Chức vụ UV HĐQT - Quốc tịch Singapore  
Thành viên HĐQT không điều hành
- Ông Qiu Ruixiang: Chức vụ UV HĐQT  
Năm sinh: 1966 Chức vụ UV HĐQT - Quốc tịch Trung quốc  
Thành viên HĐQT độc lập

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director:*

Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.*

Để thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, tính từ thời điểm sau Đại hội cổ đông năm 2018, HĐQT Công ty đã tổ chức 08 phiên họp và xin báo cáo trước Đại hội những nội dung cơ bản sau:

#### **Nội dung phiên họp lần 1:**

Ngay sau khi kết thúc phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; HĐQT họp triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tổ chức công bố thông tin về kết quả đại hội theo quy định.

#### **Nội dung phiên họp lần 2:**

Ngày 26/05/2018 với thành phần: thành viên HĐQT (các ủy viên HĐQT phía GP họp qua điện thoại) và đại diện Ban Kiểm soát đã thảo luận và thông qua tờ trình của giám đốc về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017 và phục vụ công tác niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

#### **Nội dung phiên họp lần 3:**

Ngày 03/07/2018 với thành phần: thành viên HĐQT (các ủy viên HĐQT phía GP họp qua điện thoại) và đại diện Ban Kiểm soát đã thảo luận một số nội dung gồm:

- Thông qua báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2018
- Thông qua Tờ trình v/v mua dây chuyền pin đơn R03-600 cái/phút của nhà máy Vạn Hưng, Trung Quốc
- Thông qua Tờ trình v/v cơ cấu nhân sự cấp cao
- Thông qua Tờ trình v/v quyền lợi và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thanh Hùng khi thực hiện nhiệm vụ ủy quyền của giám đốc.

#### **Nội dung phiên họp lần 4:**

Ngày 22/08/2018 với thành phần: thành viên HĐQT (các ủy viên HĐQT phía GP họp qua điện thoại) và đại diện Ban Kiểm soát HĐQT thảo luận một số nội dung gồm:

- Thông qua báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch điều chỉnh SXKD 6 tháng cuối năm
- Thảo luận vấn đề giá niêm yết cổ phiếu của công ty.

#### **Nội dung phiên họp lần 5:**

Ngày 13/11/2018 với thành phần: thành viên HĐQT và đại diện Ban Kiểm soát đã thảo luận một số nội dung gồm:

- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh 10 tháng và dự kiến năm 2018
- Thông qua báo cáo quyết toán tài chính các quý I, II và III
- Thông qua báo cáo của BKS các quý I, II, III
- Xem xét và phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
- Thảo luận và quyết định tạm ứng cổ tức năm 2018
- Thảo luận về giá niêm yết chứng khoán
- Thảo luận cơ hội phát triển thị trường xuất khẩu
- Thảo luận về công tác đầu tư
- Công tác cán bộ lãnh đạo

### **Nội dung phiên họp lần 6:**

Ngày 30/11/2018 với Thành phần: thành viên HĐQT (các ủy viên HĐQT phía GP họp qua điện thoại) và đại diện Ban Kiểm soát đã thảo luận một số nội dung gồm:

- Nghe báo cáo kết quả hoạt động SXKD công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) từ khi thành lập đến thời điểm hiện tại.
- Thảo luận vấn đề tăng vốn của GPVN và góp vốn bổ sung của Habaco vào GPVN.
- Cập nhật tình hình lắp đặt và nghiệm thu dây chuyền pin đơn R03-600 c/p
- Thảo luận về phiên họp với đại diện bán hàng của GP và vấn đề bán kèm đồng xu cho GPVN.

### **Nội dung phiên họp lần 7:**

Ngày 06/03/2019 với Thành phần: HĐQT (các ủy viên HĐQT phía GP họp qua điện thoại) và đại diện BKS đã thảo luận một số nội dung gồm:

- Thông qua kết quả SXKD năm 2018
- Thảo luận và thông qua kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2019 của giám đốc
- Thảo luận nội dung lễ khai trương giao dịch cổ phiếu của công ty
- Thảo luận phương án đầu tư năm 2019, chi trả cổ tức năm 2018 và công tác cán bộ.

### **Nội dung phiên họp lần 8:**

Ngày 28/02/2019 với Thành phần: HĐQT (các ủy viên HĐQT phía GP họp qua điện thoại) và đại diện BKS đã thảo luận một số nội dung gồm:

- Thảo luận và quyết định giá chào sàn và ngày chào sàn dự kiến cho cổ phiếu công ty trên sàn GDCK Hà Nội
- Thảo luận và thông qua kế hoạch SXKD điều chỉnh năm 2019 của giám đốc

### **Nội dung phiên họp lần 9:**

Ngày 20/03/2019 với Thành phần: thành viên HĐQT và đại diện Ban Kiểm soát đã thảo luận một số nội dung gồm:

- Thảo luận và chuẩn bị các nội dung liên quan đến Đại hội đồng cổ đông năm 2019
- Thảo luận tình hình hoạt động và kế hoạch tăng vốn của VNGP

- Thảo luận phương án đầu tư năm 2019, chi trả cổ tức năm 2018 và công tác cán bộ.

#### Nội dung phiên họp lần 10:

Ngày 28/03/2019 2019 với Thành phần: HĐQT (các ủy viên HĐQT phía GP họp qua điện thoại) và đại diện BKS đã thảo luận một số nội dung gồm:

- Thông qua Báo cáo hoạt động HĐQT năm 2018
- Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch năm 2019 trình ĐHĐCĐ 2019
- Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán
- Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát năm 2018
- Thông qua các tờ trình ĐHĐCĐ năm 2019
- Thông qua chương trình ĐHĐCĐ năm 2019
- Thông qua thời điểm chốt danh sách chi trả cổ tức và tham dự ĐHĐCĐ

Trong năm, HĐQT cũng đã ủy quyền cho Ban giám đốc tham gia các đợt đấu giá kèm thời do Công ty cổ phần Kim loại mẫu VIMICO tổ chức và ký các hợp đồng mua kèm thời có giá trị lớn theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

#### 2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

1- Bà Nguyễn Thị Thanh Hải    Trưởng ban; Trình độ: Cử nhân chuyên ngành Tài Chính - Kế toán

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: 34.965 CP

2- Ông Nguyễn Thanh Đức    Ủy viên; Trình độ Kỹ sư Điện hóa

Chức vụ Trưởng Phòng KTCN-MT-KCS. Số cổ phần sở hữu: 8.303 CP

3- Ông Huỳnh Tín Đình Ủy viên;

Thành viên độc lập, không tham gia điều hành. Số cổ phần sở hữu: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

\* Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018

Các thành viên BKS luôn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thường xuyên trao đổi, góp ý kiến về trường ban để tổng hợp.

- Hoạt động của Ban kiểm soát mỗi quý tổ chức họp một lần nhằm kiểm soát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, chấp hành các quy định về pháp luật, điều lệ Công ty và điều hành trong mỗi quý.

Tổ chức phiên họp cuối năm nhằm tổng kết phân tích, đánh giá toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành trong năm, kết quả kiểm tra, kiểm soát trên BKS gửi biên bản có các nội dung cụ thể thông báo đến HĐQT, Ban Điều hành theo quy định.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và trực tiếp đóng góp ý kiến.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập và luôn luôn được HĐQT, Ban điều hành, các đơn vị, các cổ đông đã hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

• Kiểm soát tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018

Kết quả đạt được Các chỉ tiêu chính như sau:

- Về sản lượng sản xuất : 353.805.200 cái pin các loại giảm 3% so với cùng kỳ năm 2017

- Về sản lượng tiêu thụ : 357.297.910 cái pin các loại giảm 2% so với cùng kỳ năm 2017, giảm 2,37% so với NQĐHCD 2018.

- Doanh thu thực hiện: 362.026.363.958 đồng tăng 3,37 % so với năm 2017, giảm 1% so với NQĐHCD 2018.

- Lợi nhuận trước thuế : 23.048.421.433 đồng giảm 11,33% so với năm 2017, tăng 12,41 % so với NQĐHCD 2018.

- Vốn điều lệ đến 31/12/2018: 72,939,110,000 đồng.

- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018: 103,311,917,084 đồng

- Nộp ngân sách Nhà Nước : 16.339,789,258 đồng bao gồm 5 sắc thuế theo quy định pháp luật ,tăng 1,tỷ 110 triệu đồng .

\* Kiểm soát việc chấp hành chế độ chính sách tài chính của Nhà nước và quy chế tài chính của Công ty.



- Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh chế độ chính sách của Nhà nước và quy chế tài chính của Công ty.

- Chấp hành chế độ kế toán, ghi chép, lưu giữ sổ sách chứng từ và lập báo cáo tài chính hàng quý và báo năm đúng quy định.

- Chuẩn mực và chế độ kế toán Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC và thông tư 53/2016 /TT-BTC, áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Thực hiện việc kê khai, nộp thuế, đầy đủ theo quy định BTC đúng thời gian quy định.

\* Kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2018.

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện phản ánh khách quan, trung thực, hợp lý,

Công ty lập và trình bày các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính năm 2018.

Báo cáo tài chính phản ánh đầy đủ số liệu chi tiết và bảng cân đối kế toán tại thời điểm trùng khớp nhau, kết quả kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

\* Kiểm soát việc thực hiện quy chế mua bán vật tư, tài sản:

- Hợp đồng mua vật tư chủ yếu với khách hàng truyền thống lâu năm đáng tin cậy, lựa chọn về giá và chất lượng trước khi ký hợp đồng nhập hàng, lựa chọn phương thức thanh toán hợp lý nhất để đạt hiệu quả.

- Tham gia các phiên đấu giá kèm thời nhằm mua được giá hợp lý và ổn định, hầu hết các loại vật tư mua vào sản xuất đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý, các loại vật tư còn lại là khi nhà cung cấp có sự thay đổi giá thì Công ty tổ chức họp hội đồng mua bán vật tư (có thành phần BKS) để bàn bạc thống nhất về việc thay đổi giá cả tăng, giảm.

Thực hiện Nghị Quyết Đại hội cổ đông năm 2018 Công ty đã đầu tư tăng tài sản cố định bao gồm dây chuyền sản xuất pin đơn R03 600 cái /phút, máy cắt via ống kẽm R6 600 cái /phút, máy dập kẽm đồng xu tốc độ cao, lò điện cảm ứng nấu kẽm & một số tài sản khác trị giá 12 tỷ 626 triệu đồng đã đưa vào vận hành rất tốt tạo ra năng suất cao hạ giá thành sản phẩm và thanh lý một lò nấu kẽm đã hư hỏng hết khấu hao và một số tài sản khác không đủ tiêu chuẩn TSCĐ giá trị 506 triệu 560 nghìn đồng.

- Kiểm soát về các loại chi phí.

Kiểm tra về định mức vật tư, lao động, đơn giá tiền lương, thu nhập người lao động.

Hàng năm Công ty đã xây dựng định mức vật tư, đơn giá tiền lương cho từng công đoạn sản phẩm, sắp xếp phân loại lao động, định biên lao động cho từng phòng ban, phân xưởng hợp lý và đầu tư đổi mới thiết bị nâng cao năng lực sản xuất, mặt khác để không ngừng cải thiện thu nhập và đảm bảo chế độ lâu dài cho người LĐ,

Về chi phí vật tư chính, phụ giá mua vào tăng từ 2-20%, xuất vào sản xuất theo giá nhập trước xuất trước, trong năm Công ty nhập 1.553 tấn kẽm giá bình quân các tháng là 67,5 triệu đồng /tấn, nhưng

tính giá xuất dùng bình quân là giá 70,4 triệu đồng /tấn, vì lượng kẽm tồn đầu năm giá 74,5 triệu đồng /tấn, so sánh với giá xuất dùng bình quân năm 2017 là 59,66 triệu đồng /tấn thì giá chênh lệch là 10,74 triệu đồng/tấn mà lượng kẽm Công ty sử dụng là 1.496,7 tấn thì giá kẽm tăng hơn 16 tỷ đồng đó là yếu tố làm giảm lợi nhuận nhiều nhất, cùng với một số vật tư khác như Măng gan điện giải, bột Măng gan cao bằng ,cọc than, muối a xê ty len, giấy tằm hồ, hộp tá ,hòm giấy .... đều tăng giá .

Về chi phí tiền lương Công ty xây dựng đơn giá tiền lương cho từng loại sản phẩm, nguồn tiền lương trích vào chi phí tương ứng với sản lượng sản xuất trong năm để phân phối cho NLD theo quy chế trả lương được thông qua tại NQ hội nghị NLD và thỏa ước lao động tập thể, thu nhập bình quân trả cho người lao động là 9 triệu 660 ngàn đồng /người /tháng.

Chi phí tiền lương trích vào giá thành giảm 4 tỷ 700 triệu đồng do đơn giá tiền lương giảm và sản lượng giảm so với năm 2017.

Chi phí bán hàng tăng gần 2 tỷ đồng so với năm 2017, nguyên nhân là tăng thêm chi phí để động viên các đại lý thúc đẩy hơn nữa khâu tiêu thụ ra thị trường có sức cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại.

Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 859,5 triệu so với năm 2017 do Công ty thắt chặt chi tiêu, các chi phí cho chuyên gia nước ngoài để hỗ trợ về kỹ thuật và lắp máy cũng giảm.

Chi phí lãi vay tăng 436 triệu đồng do trong năm Công ty phải huy động vốn vay nhiều hơn và lãi suất ngân hàng cao so với năm 2017.

Chiết khấu thanh toán tăng 1 tỷ 605 triệu là do phải thanh toán cho khách hàng Nước ngoài để chăm sóc thị trường mới mở.

Chất lượng sản phẩm càng ngày càng ổn định và tốt hơn, hình thức mẫu mã bên ngoài đẹp phù hợp thị hiếu người tiêu dùng.

Về chi phí và sử dụng vốn :

Công ty luôn cân đối giữ trữ vật tư, thành phẩm hợp lý, đơn đốc thu nợ khách hàng kịp thời, huy động vốn vay các tổ chức tín dụng hợp lý, khi có tiền nhàn rỗi đem gửi ngân hàng, cố gắng giảm tối đa các chi phí khác bằng tiền như hội họp, khánh tiết, tiếp khách ...

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ Công ty thực hiện theo NQ ĐHCĐ ,hàng năm HĐQT trình ĐHCĐ về phương án phân phối lợi nhuận được ĐHCĐ góp ý kiến tham gia và biểu quyết thông qua để làm căn cứ thực hiện.

Căn cứ vào kết quả SXKH năm 2018 HĐQT dự kiến tạm ứng cổ tức là 20% trên vốn điều lệ

\* Về công tác bán hàng.

\* Công ty luôn luôn chú trọng công tác bán hàng, xây dựng và duy trì đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, cung ứng hàng đều đặn đến các đại lý, phân công cán bộ phụ trách theo từng địa bàn khắp cả nước, không ngừng chăm lo cho hệ thống phân phối pin ngày càng tốt hơn, chi trả quyền lợi cho các đại lý theo quy chế đầy đủ, kịp thời .

Thường xuyên đối chiếu công nợ với khách hàng, đơn đốc việc thanh toán tiền hàng tương đối tốt, trong năm sản lượng tiêu thụ đạt 357triệu .298 nghìn cái pin các loại .doanh thu đạt 362. tỷ đồng tăng 11 tỷ đồng so với năm 2017.

Dư nợ phải thu các đại lý tuy cao nhưng đảm bảo quy định của Công ty.

- Hoạt động ở Chi Nhánh Thành phố HCM.

Doanh thu bán hàng vẫn cầm chừng chưa có gì đột phá ở khâu thị trường, trong năm chỉ mở thêm một vài đại lý nhỏ lẻ, công nợ thu hồi chưa tốt nguyên nhân chủ yếu do thị hiếu miền Nam quen tiêu dùng pin Con Ó và giá bán của họ vẫn thấp hơn giá Pin Con Thỏ chúng ta.

\* Công tác quản lý, điều hành của HĐQT và ban giám đốc .

- HĐQT gồm 7 thành viên, có 3 thành viên trực tiếp điều hành, 2 thành viên quản lý, còn 2 thành viên của GP không trực tiếp điều hành, HĐQT đã có sự phân công cụ thể phần việc cho từng thành viên chịu trách nhiệm .

Mỗi một thành viên chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Cổ đông về nhiệm vụ được phân công, mỗi thành viên phải lập kế hoạch cụ thể để chỉ đạo, điều hành cấp dưới thực hiện các phần việc của mình phụ trách, hàng tháng, hàng quý có sự kiểm điểm, đánh giá thực hiện nhiệm vụ của mình báo cáo với Chủ tịch HĐQT và HĐQT tổ chức các phiên họp đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên, chỉ ra những tồn tại, yếu kém cần phải khắc phục .

Với những thuận lợi, khó khăn đã phân tích ở trên trong năm HĐQT & BDH đã khắc phục khó khăn điều hành Công ty hoạt động đạt hiệu quả lợi nhuận trước thuế là 23 tỷ 048 triệu giảm 2 tỷ 947 triệu so với năm 2017, tăng 2 tỷ 545 triệu so với NQĐHCĐ, do trong kỳ doanh thu tăng 11 tỷ do tác động đột tăng giá tháng 12/2017 & chi phí tăng giảm như đã phân tích ở trên, tổng chi phí tăng 14 tỷ 488 triệu, như vậy chênh lệch tăng doanh thu và tăng chi phí là 3 tỷ 488 triệu đồng đây nguyên nhân giảm lợi nhuận mà chủ yếu giá kèm tăng cao .

Mọi hoạt động quản lý, điều hành đều tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ Công ty

- Công tác niêm yết cổ phiếu trên sàn Chứng khoán .

Thực hiện Nghị quyết đại hội cổ đông ngày 13 tháng 3 năm 2019 cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội với số lượng 7.253.911 cổ phiếu và đã có một số nhà đầu tư thực hiện giao dịch.

Căn cứ theo điều 12 luật Chứng khoán và điều lệ công ty quy định tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT của Công ty .

Đây là khái niệm thành viên HĐQT độc lập theo luật mới chỉ là ràng buộc cơ học mà chưa thực sự đảm bảo phát huy tác dụng. Hiện nay khó nhất trong việc xác định liệu cá nhân đó có độc lập hay không mà tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT độc lập đối với Công ty Pin Hà Nội hiện nay rất khó thực hiện, đã nhiều lần HĐQT đưa vấn đề này ra bàn bạc nhưng đến nay vẫn chưa tìm được người đáp ứng với tiêu chuẩn quy định của pháp luật .

- Ý kiến của các cổ đông:

Ban Kiểm soát không nhận được ý kiến gì về phản ánh tình hình hoạt động của Công ty

*3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits:*

**Báo cáo về thu nhập của các UV HĐQT; BKS năm 2018:**

- Quy chế tiền lương năm 2018
- Phụ cấp HĐQT và BKS theo QĐ số 146/HĐQT-PHN năm 2017

Theo đó:

- Tiền lương: Các thành HĐQT và BKS không hưởng lương chuyên trách mà chỉ hưởng lương theo cương vị, chức vụ trong điều hành và quản lý.

Mức lương tháng hiện hành:

<i>Chức danh</i>	<i>Lương cơ bản</i>	<i>Lương bổ sung</i>	<i>Tổng</i>
Giám đốc	14.923.000	18.355.290	33.668.290
Phó giám đốc	11.930.000	14.693.900	26.603.900
Trưởng phòng – Quản đốc	9.097.000	8.278.270	17.375.270

- Phụ cấp HĐQT và BKS:

Chủ tịch HĐQT: 5.000.000/tháng

Ủy viên HĐQT: 3.000.000/tháng

Trưởng ban Kiểm soát: 3.000.000/tháng

Ủy viên Ban Kiểm soát: 2.000.000/tháng

Thư ký Công ty 2.000.000/tháng

Ngoài ra đối với các UV HĐQT; Thành viên Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành và quản lý còn được hưởng thù lao: 1.000.000đ/ngày làm việc khi tham dự các phiên họp do HĐQT triệu tập.

**2- Tình hình thu nhập thực tế của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2018:**

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Tiền lương</i>	<i>Phụ cấp</i>	<i>Thù lao</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch – Giám đốc	198.773.671	60.000.000		258.773.671
Nguyễn Thanh Hùng	UV HĐQT – PGĐ	365.814.578	36.000.000		401.814.578
Nguyễn Cao Sơn	UV HĐQT – PGĐ	314.933.507	36.000.000		350.933.507
Võ Khánh Toàn	UV HĐQT – PGĐ	263.081.847	36.000.000		299.081.847
Nguyễn Thanh Quang	UV HĐQT – Quản đốc PX Pin số 2	212.948.057	36.000.000		248.948.057
Quek Guet Nghoh	UV HĐQT		33.000.000		33.000.000
Qiu Ruixiang	UV HĐQT		33.000.000		33.000.000
Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát		36.000.000	75.555.552	111.555.552
Huỳnh Tín Đình	UV Ban Kiểm soát		24.000.000		24.000.000
Nguyễn Thanh Đức	UV Ban Kiểm soát	192.293.159	24.000.000		216.293.159
Nguyễn Huy Vũ	Thư ký HĐQT	103.091.227	24.000.000		127.091.227

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

*Không*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

*Không có*

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on*

corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance).

## VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

### 1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions:

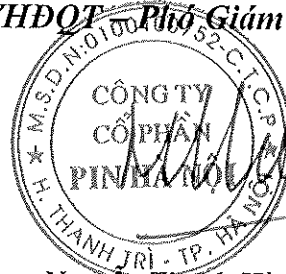
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).*

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- HĐQT, Ban Kiểm soát
- Lưu HC, Thư ký Công ty

Thừa ủy quyền Chủ tịch HĐQT  
Công ty cổ phần Pin Hà Nội  
UVHĐQT Phó Giám đốc



Nguyễn Thành Hùng